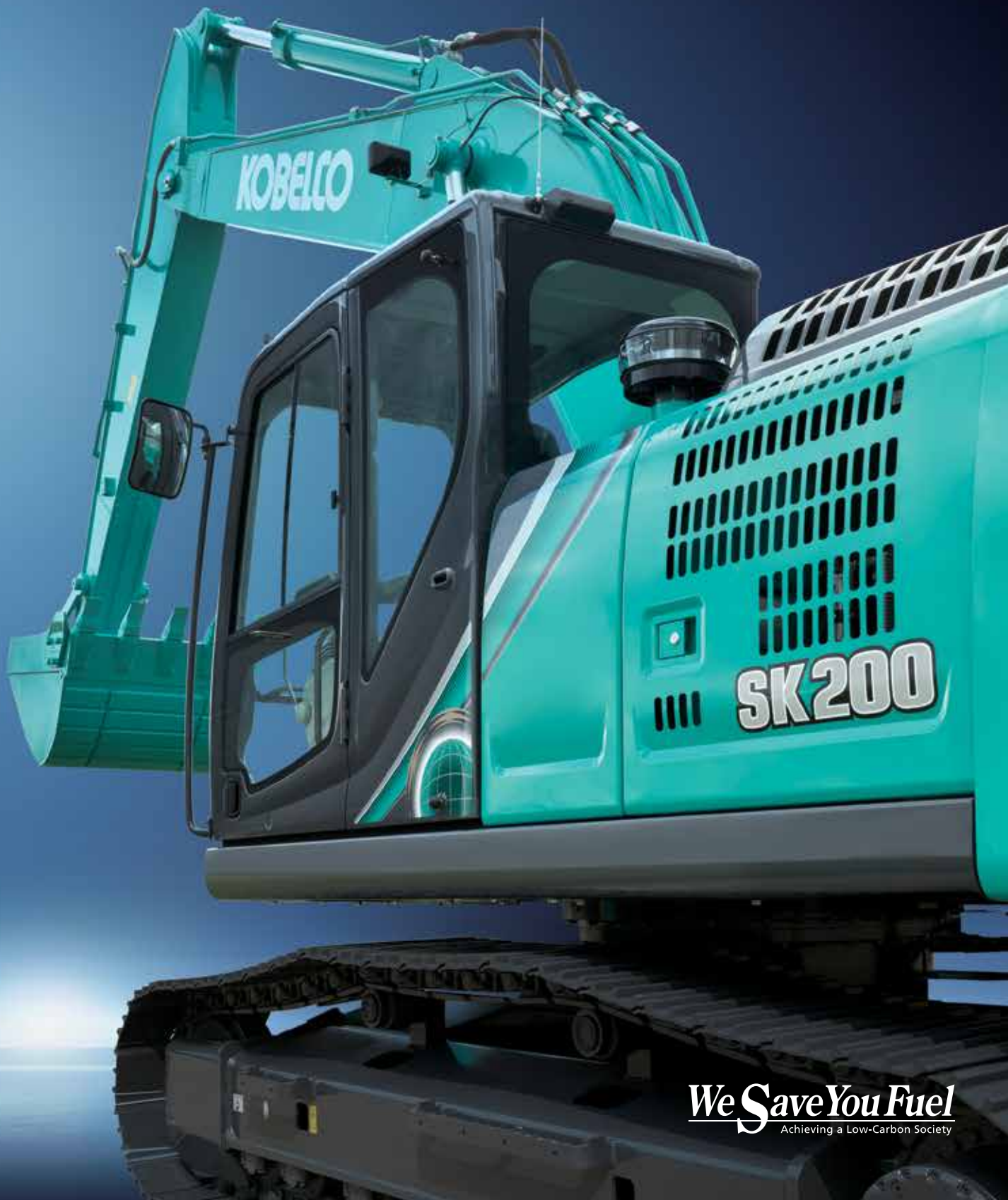


KOBELCO

SK200-10/SK210LC-10

SK200 SK210_{LC}



We Save You Fuel
Achieving a Low-Carbon Society

Sức mạnh đem lại hiệu quả



SK200 SK210_{LC}

16%

**Tiết kiệm nhiên liệu
đồng nghĩa
"Hiệu quả"**

**Tăng năng suất
làm việc đồng nghĩa
"Sức mạnh"**

So với chế độ H-mode ở model SK200-8

Kobelco với những nỗ lực của mình đã cải tiến sản phẩm nhằm mang lại cho khách hàng những chiếc máy đào thân thiện với môi trường, phù hợp với mọi điều kiện làm việc trên mọi địa hình. Cùng với hệ thống tiết kiệm nhiên liệu được tối ưu hơn, chúng tôi mang tới hiệu quả cao hơn cho bất kỳ dự án nào. Model SK200 SK210LC có độ bền cao và khả năng chịu được sự khắc nghiệt ở những địa hình khó khăn nhất. Model này được bổ sung thêm các tính năng mới, đó thực sự một bước tiến trước thời đại. Chú trọng vào môi trường toàn cầu trong tương lai, Kobelco đưa ra thế hệ máy mới đáp ứng mọi nhu cầu với chi phí vận hành thấp nhất và vượt qua những kỳ vọng của khách hàng.



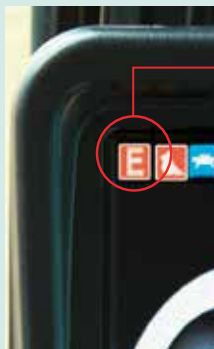
Tối ưu hiệu quả sử dụng nhiên liệu

Theo đuổi mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu.

Chế độ vận hành

Mức tiêu thụ nhiên liệu thấp hơn ở chế độ H-mode/S-mode/ECO-mode so với những thế hệ máy trước (thế hệ 8).

■ So với các thế hệ máy trước:



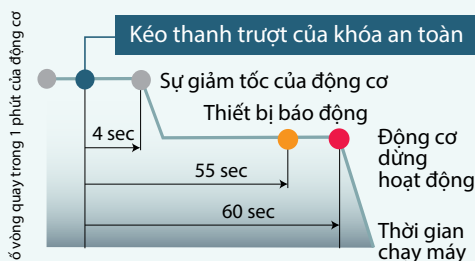
- H** H-mode
 - • • Tiết kiệm **16%** lượng tiêu thụ nhiên liệu
- S** S-mode
 - • • Tiết kiệm **14%** lượng tiêu thụ nhiên liệu
- E** ECO-mode
 - • • Tiết kiệm **19%** lượng tiêu thụ nhiên liệu

Chúng tôi luôn luôn suy nghĩ làm thế nào để nâng cao hiệu quả việc sử dụng nhiên liệu.

Trải qua hơn 10 năm, Kobelco đã giảm bớt được trung bình 38% lượng tiêu thụ nhiên liệu và chúng tôi nguyện sẽ tiếp tục hướng tới việc sử dụng nhiên liệu ngày càng hiệu quả hơn.

■ So với model SK210LC-6 (2006)

- E** ECO-mode (SK210LC-10)
 - • • Tiết kiệm **38%** lượng tiêu thụ nhiên liệu



AIS (dừng tự động)

Nếu thanh trượt khóa an toàn được nâng lên, động cơ tự động dừng. Điều này sẽ loại bỏ sự hao phí không tải của máy khi ở chế độ chờ, tiết kiệm nhiên liệu đồng thời giảm lượng khí CO₂ phát ra.

16%

Tiết kiệm nhiên liệu
đồng nghĩa
"Hiệu quả"

Với ứng dụng mạch tái tạo năng lượng cho thao tác tay cần cùng cải tiến trong hệ thống thủy lực, ma sát và thất thoát năng lượng giảm đến 16%. Động cơ thể hệ mới common rail và kim phun điện tử, phun đa điểm cũng là yếu tố cải tiến giúp tăng khả năng tiết kiệm nhiên liệu

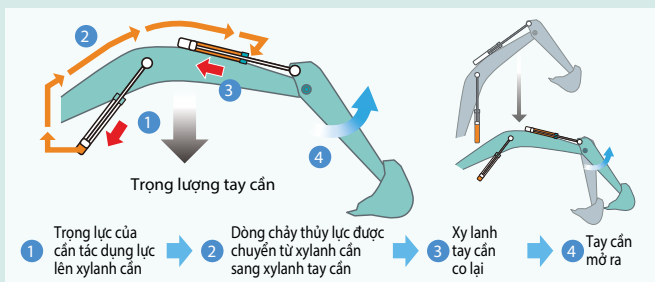
* So với chế độ H-mode dòng SK200-8



Hệ thống thủy lực: Công nghệ tiết kiệm nhiên liệu được cải tiến

Mạch tái tạo năng lượng cho thao tác tay cần MỚI

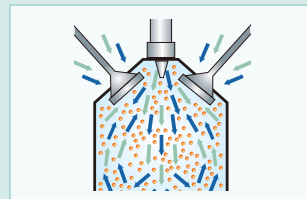
Khi hạ cần, hệ thống này sử dụng áp lực được tạo ra bởi trọng lượng của cần để đưa lên xilanh tay cần. Khi đó, sẽ làm giảm đáng kể việc phải sử dụng các năng lượng từ bên ngoài



Tối đa hóa hiệu quả sử dụng nhiên liệu

Hệ thống Common rail:

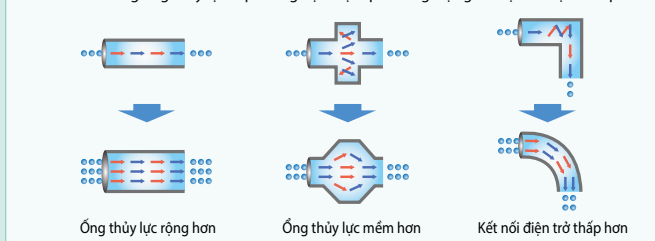
Phun nhiên liệu với áp lực và độ chính xác cao làm nâng cao hiệu quả đốt cháy. Điều này góp phần tiết kiệm nhiên liệu hơn.



Mạch thủy lực làm giảm sự hao hụt năng lượng

Chúng tôi đã nỗ lực để nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu bằng cách tối thiểu hóa độ kháng áp suất thủy lực, nâng cao thiết kế đường thủy lực để giảm sức cản ma sát và sức cản của van.

Cải tiến đường ống thủy lực là phương tiện hiệu quả trong việc giảm sự hao hụt của áp suất.



Mạnh hơn và hiệu quả cao hơn

Hệ thống thủy lực với hiệu quả cao giúp giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu với công suất tối đa, cùng với sự chuyển động nhẹ nhàng và lực đào lớn. Model máy đào mới sẽ cải thiện hiệu suất công việc của bạn

Hiệu quả nhiên liệu được cải thiện góp phần nâng cao hiệu suất.

Lực đào siêu mạnh:

Lực đào mạnh mẽ mang lại hiệu suất vượt trội.

■ Lực đào gầu tối đa:

Thông thường **143kN**

Khi Tăng áp: **157kN**

■ Lực kéo tay cần tối đa

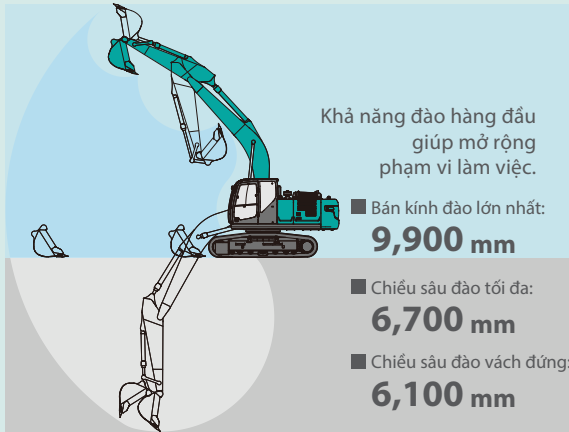
Thông thường **102kN**

Khi Tăng áp: **112kN**

* Thông số cho tay cần tiêu chuẩn (2.94m)



Làm việc nhanh hơn với khả năng vận hành tốt hơn



*Thông số cho tay cần tiêu chuẩn (2.94m)

Tay chang nhẹ giúp người vận hành thao tác dễ dàng

MỚI

Thiết kế mới giảm được 38% lực để điều khiển hoạt động, làm giảm mệt mỏi cho người vận hành khi làm việc trong khoảng thời gian dài



Lực di chuyển lớn

Lực di chuyển cùng lực kéo mạnh giúp máy có thể di chuyển ở nhiều tốc độ khác nhau, khi leo dốc hay vượt qua những đoạn đường xấu với khả năng thay đổi hướng đi nhỉnh nhàng.

■ Lực kéo: **228kN**



Bảng điều khiển với các tính năng thân thiện giúp người sử dụng dễ nhìn, dễ sử dụng.



Màn hình hiển thị đa năng

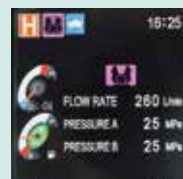
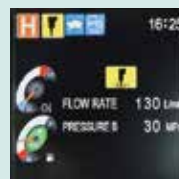
Màn hình đồ họa với màu sắc tươi sáng, dễ nhận diện trên màn hình LCD đa hiển thị. Trên màn hình thể hiện lượng tiêu thụ nhiên liệu, thời gian bảo dưỡng.

- 1 Đồng hồ đo nhiệt độ chất làm mát động cơ
- 2 Đồng hồ đo mức nhiên liệu
- 3 Màn hình đa năng
- 4 Công tắc chọn chế độ làm việc
- 5 Công tắc thay đổi màn hình



MAINTENANCE	
ENGINE OIL	500 485
FUEL FILTER	500 485
HYD. FILTER	1000 985
HYD. OIL	2000 1985

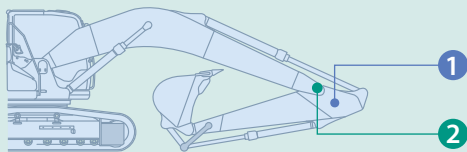
Bảo dưỡng



• Công tắc chọn chế độ bộ công tác

Sử dụng công tắc này để chuyển đổi giữa các chế độ "Đào", "Búa" và "Kẹp". Từ đó, có thể chọn chế độ thích hợp tương ứng.

Tăng công suất, tăng độ bền để duy trì giá trị của máy



Được thiết kế để vận hành trong những môi trường làm việc khó khăn nhất.

Những bộ phận dưới đây được cải tiến để máy đào có thể làm những công việc nặng hơn với độ bền xuất sắc hơn và hiệu suất lớn hơn, do đó có thể đáp ứng mọi yêu cầu của công việc.

1 Tăng cường độ dày của tay cần

HD: độ dày của bệ được tăng lên 1.3 lần (20t)

Hiện hành

Mới

2 Đường cong chịu lực của khớp nối tay cần

Đường cong chịu lực của khớp nối tay cần được thay đổi và cải tiến để phân tán áp lực, tăng cường thêm 2.6 lần sức mạnh cho những công việc đào vách đứng

Hiện hành

Mới

Tăng năng suất
làm việc đồng nghĩa
"Sức mạnh"

Thiết kế mới cho phép tăng sức mạnh.
Tăng cường độ bền khiến hiệu suất làm
việc được đưa lên một cấp độ mới.



Nâng cao độ tin cậy của hệ thống lọc.

Nhiên liệu cùng dòng chảy thủy lực sạch và không nhiễm bẩn là những yếu tố cần thiết giúp cho máy hoạt động ổn định. Hệ thống lọc được cải tiến làm giảm thiểu nguy cơ về những trục trặc cơ học, tăng tuổi thọ cũng như độ bền của máy

Lọc thủy lực

Được biết đến là loại lọc tốt nhất trong ngành công nghiệp, bộ lọc siêu mịn có thể tách ra những cặn bẩn dù là nhỏ nhất. Vỏ bọc kiểu mới ngăn ngừa sự nhiễm bẩn khi thay bộ lọc.

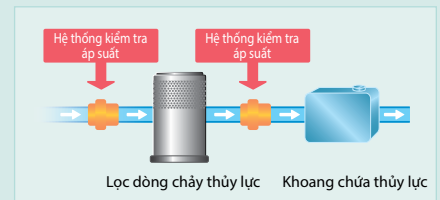
MỚI



Hệ thống báo tắc lọc hồi thủy lực

Cảm biến áp suất bốn chứa thủy lực theo dõi áp suất chênh lệch giữa đường dẫn hồi lưu và áp suất khoang chứa bên trong, để xác định độ tắc nghẽn. Nếu sự chênh lệch vượt quá ngưỡng được định trước, cảnh báo sẽ xuất hiện ở màn hình hiển thị, do đó bộ lọc có thể chặn lại bất kỳ sự nhiễm bẩn nào và thay thế trước khi nó ảnh hưởng đến dòng chảy thủy lực trong khoang chứa.

MỚI



Lưới lọc không khí sạch hơn

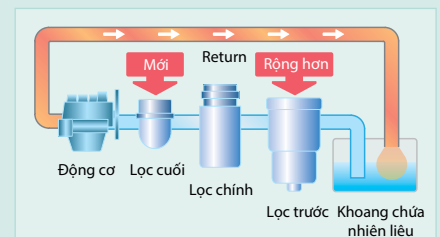
Lưới lọc che phủ đảm bảo cho động cơ luôn khỏe và bền.

MỚI



Lọc nhiên liệu

Bộ lọc trước được tích hợp lọc tách nước có diện tích lớn hơn 1.6 lần so với model cũ kết hợp với bộ lọc cuối không cần bảo dưỡng để tối đa hóa hiệu suất lọc.



Cabin tiện nghi, an toàn

Môi trường làm việc trong cabin
yên tĩnh và thoải mái hơn.
Yếu tố an toàn cho người vận hành
được đặt lên hàng đầu.



Tiện nghi

Cabin siêu kín



Cabin được thiết kế siêu kín nhằm
ngăn bụi thâm nhập vào bên trong

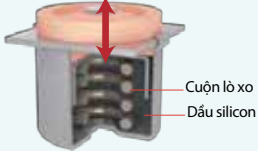
Yên tĩnh bên trong cabin

Cabin siêu kín đảm bảo không gian
bên trong cabin yên tĩnh và thoải mái.

Độ rung lắc thấp

Lò xo xoắn giảm chấn những rung lắc
nhỏ, giá hệ thống treo cao chứa đầy
dầu silicone làm giảm những rung lắc
mạnh. Chu kỳ dài do hệ thống này tạo
ra sẽ bảo vệ cabin tuyệt vời khỏi
những rung lắc.

Chống rung gấp đôi so với phương pháp
thông thường



Góc nhìn rộng cho người vận hành

Cửa sổ phía trước là một tấm kính
rộng, không có đường ngăn cách ở
giữa giúp người vận hành có góc nhìn
rộng và không bị cản trở.

Điều hòa thông hơi phía sau ghế lái

MỚI



Điều hòa không khí lớn có chức năng thông hơi được đặt trên các cột phía sau bên phải và bên trái của ghế ngồi vận hành. Người vận hành có thể điều chỉnh nhiệt độ và hướng gió trong cabin tạo ra môi trường làm việc thoải mái.

Ghế ngồi cho người vận hành thoải mái hơn nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.



Ghế ngồi có thể ngửa ra hoặc đẩy lại



Ghế ngồi trượt



Cabin với lối ra vào rộng rãi

Cabin được mở rộng với cửa ra vào lớn, không gian lớn hơn để có người vận hành có thể dễ dàng ra vào.

Nội thất thoải mái, tiện nghi



Khay chứa rộng rãi



Hộp đựng cốc rộng

An toàn

ROPS Cabin

ROPS (Kết cấu bảo vệ chống lật), kết cấu này đã được kiểm tra và đáp ứng tiêu chuẩn ISO 12117-2:2008, đảm bảo an toàn cho người vận hành.



Góc nhìn được mở rộng cho vận hành an toàn hơn



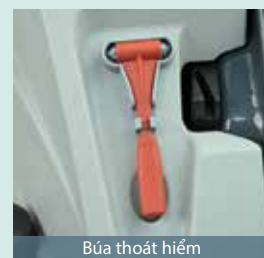
Gương chiếu hậu bên phải và bên trái

Gương chiếu hậu được trang bị bên phải và bên trái cho phép người vận hành nhìn được không gian phía sau máy, tăng cường sự an toàn



Tầm nhìn phía sau

Rear view cho phép người điều khiển nhìn thấy trực tiếp khu vực phía sau cabin



Búa thoát hiểm

Cho trường hợp thoát hiểm khẩn cấp



Camera chiếu hậu

Camera chiếu hậu được lắp đặt để đơn giản hóa việc kiểm tra an toàn phía sau máy. Hình ảnh xuất hiện trên màn hình màu.





Bảo dưỡng máy tại hiện trường dễ dàng



Không gian bên trong động cơ rộng cho phép thợ máy có thể làm công tác bảo trì bên trong. Khoảng cách các bậc ngắn hơn thuận tiện cho việc ra vào. Nắp động cơ nhẹ giúp việc nâng lên hạ xuống dễ dàng hơn



Không gian rộng rãi cho công tác bảo trì, bảo dưỡng



Các bậc



Tay vịn

Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng kiểm tra hàng ngày có thể thực hiện trên mặt đất.

Tất cả các bộ phận đều được thiết kế ở vị trí thuận tiện cho công tác bảo dưỡng được dễ dàng.



Thiết bị làm sạch không khí kép



Lọc nhiên liệu tích hợp lọc tách nước



Lọc nhiên liệu



Phía bên phải



Phía bên trái

- ① Lọc nhiên liệu
- ② Lọc nhiên liệu tích hợp lọc tách nước
- ③ Lọc dầu động cơ

Thiết kế đơn giản dễ dàng tiếp cận két nước làm mát và hệ thống làm mát.

Bảo dưỡng hiệu quả hơn bên trong cabin



Bộ lọc điều hòa không khí

Bộ lọc điều hòa không khí bên trong và bên ngoài có thể dễ dàng tháo lắp được mà không cần dụng cụ làm sạch chuyên dụng.

Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng hiệu quả đảm bảo cho máy luôn hoạt động tối ưu



Chức năng hiển thị thông tin máy

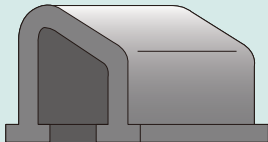
- Chỉ hiển thị những thông tin bảo dưỡng máy khi cần thiết
- Chức năng tự chẩn đoán cho phép cảnh báo phát hiện sớm và hiển thị sự cố của hệ thống điện
- Chức năng chuẩn đoán thời gian làm việc cho phép kiểm tra tình trạng máy móc dễ dàng hơn
- Chức năng ghi hình những hỏng hóc trước đó bao gồm cả những sự cố bất thường và nhất thời.

Dễ dàng vệ sinh



Khung bánh xích

Khung bánh xích được thiết kế đặc biệt nên có thể làm sạch và loại bỏ bùn đất dễ dàng



Tấm thảm sàn dễ dàng tháo ra thành 2 mảnh

Thảm sàn cabin 2 lớp
Viên tấm thảm nổi, chặn bẩn cho sàn cabin



Thảm sàn với cạnh mép nổi.

Lỗ xả nước được đặt dưới tấm thảm sàn.



Máng dầu động cơ

Máng dầu động cơ được trang bị cùng van xả.

Dầu thủy lực có thể sử dụng trong thời gian dài:
5,000 giờ

Khoảng thời gian bảo dưỡng định kỳ dài

Dầu thủy lực sử dụng được trong thời gian dài làm giảm chi phí và nhân công

Chu kỳ thay thế:
1,000 giờ

Bộ lọc bền

Lọc dầu thủy lực hiệu quả cao sử dụng sợi thủy tinh với khả năng làm sạch và độ bền vượt trội



KOMEXS

KOMEXS là hệ thống giám sát từ xa cho máy đào series SK. Khi 1 máy đào được kết nối với hệ thống, những dữ liệu vận hành máy như số giờ vận hành, vị trí, lượng tiêu thụ nhiên liệu và tình trạng bảo trì bảo dưỡng có thể nhận được từ xa.





Động Cơ

Model	HINO J05ETG-KSSG
Loại	Động cơ diesel 4 kỳ, phun nhiên liệu trực tiếp, có turbo tăng áp và hệ thống làm mát
Số xilanh	4
Đường kính và hành trình pittong	112 mm x 130 mm
Dung tích buồng đốt	5.123 L
Công suất đầu ra	114 kW/2,000 min ⁻¹ (ISO 9249) 118 kW/2,000 min ⁻¹ (ISO 14396)
Mô men xoắn cực đại	569 N·m/1,600 min ⁻¹ (ISO 9249) 592 N·m/1,600 min ⁻¹ (ISO 14396)



Hệ thống thủy lực

Bơm	
Loại	Hai bơm thay đổi lưu lượng + 1 bơm bánh răng
Lưu lượng tốt nhất	2 x 220 L/min, 1 x 21 L/min
Van xả	
Cần, tay cần và gầu	34.3 MPa {350 kgf/cm ² }
Khi có áp lực	37.8 MPa {385 kgf/cm ² }
Hệ thống di chuyển	34.3 MPa {350 kgf/cm ² }
Hệ thống quay toa	29.0 MPa {296 kgf/cm ² }
Bơm điều khiển	5.0 MPa {50 kgf/cm ² }
Bơm điều khiển	Kiểu bánh răng
Van điều khiển chính	8 van
Hệ thống làm mát dầu	Loại làm mát bằng không khí



Hệ thống quay toa

Mô tơ quay toa	Bơm piston lưu lượng cố định
Phanh	Thủy lực, tự động khóa khi cần điều khiển ở vị trí thủy lực
Phanh dừng	Phanh dầu
Tốc độ quay toa	13.3 vòng/phút
Khoảng cách từ quay toa tới đối trọng	2,910 mm
Bán kính quay toa nhỏ nhất	3,550 mm



Thiết bị phụ

Kết hợp gầu và tay cần

Loại			Gầu ngược			
Dung tích gầu	ISO heaped	m ³	0.80	0.80 loại vận động quay tròn	0.93	0.93 loại vận động quay tròn
	ISO Struck	m ³	0.59	0.59	0.67	0.67
Chiều rộng	Có lưới cắt	mm	1,160	1,160	1,330	1,300
	Không có lưới cắt	mm	1,140	1,060	1,230	1,200
Số răng			5	5	5	5
Trọng lượng gầu		kg	640	730	710	790
Kết hợp	2.94m tay cần tiêu chuẩn		○	○	◎	○

◎ Kết hợp tiêu chuẩn ○ Vận hành chung

Trọng lượng vận hành và áp lực trên mặt đất

Đối với dầm tiêu chuẩn và cần tiêu chuẩn, tay cần 2.94m và gầu dung tích 0.93m3 (ISO heaped)

Hình dáng			Lá xích có 3 đường gân (chiều cao đồng đều)		
Chiều rộng bánh xích	mm		600	700	800
Chiều rộng toàn phần của bánh xích	mm	SK200	2,800	2,900	3,000
	mm	SK210LC	2,990	3,090	3,190
Áp suất trên mặt đất	kPa	SK200	46	41	36
	kPa	SK210LC	44	38	34
Tải trọng khai thác	kg	SK200	20,700	21,100	21,400
	kg	SK210LC	21,100	21,600	21,800



Hệ thống di chuyển

Mô tơ di chuyển	Bơm piston lưu lượng thay đổi
Phanh di chuyển	Phanh thủy lực
Phanh dừng	Phanh dầu
Số lá xích	46 mỗi bên (SK200)
	49 mỗi bên (SK210LC)
Tốc độ di chuyển	6.0/3.6 km/h
Lực đào	228 kN (ISO 7464)
Khả năng leo dốc	70 % {35°}
Khoảng sáng gầm	450 mm



Cabin và điều khiển

Cabin
Thách thức mọi chế độ thời tiết và hạn chế tối đa tiếng ồn, tấm lót sàn 2 lớp đảm bảo sàn luôn khô ráo
Điều khiển
Hai cần điều khiển tay và hai bàn đạp cho thao tác di chuyển
Hai cần điều khiển tay cho thao tác đào và quay
Điều khiển tốc độ động cơ bằng chiết áp ga độ



Cần chính, tay cần và gầu

Xi lanh cần chính	120 mm x 1,355 mm
Xi lanh tay cần	135 mm x 1,558 mm
Xi lanh gầu	120 mm x 1,080 mm



Dung tích hệ thống

Thùng dầu	320 L
Hệ thống làm mát	18 L
Dầu động cơ	20.5 L
Hộp giảm tốc di chuyển	2 x 5 L
Hộp giảm tốc quay toa	5 L
Thùng dầu thủy lực	140L mức thùng dầu
	244L hệ thống thủy lực



Phạm vi làm việc

Đơn vị tính: m

Cần chính	Tay cần	Tiêu chuẩn 2.94 m
Phạm vi		
a-Bán kính đào lớn nhất		9.9
b-Bán kính đào lớn nhất trên mặt đất		9.73
c-Chiều sâu đào lớn nhất		6.7
d-Chiều cao đào lớn nhất		9.72
e-Chiều cao đổ lớn nhất		6.91
f-Chiều cao đổ nhỏ nhất		2.43
g-Chiều sâu đào vách đứng		6.1
h-Bán kính quay toa nhỏ nhất		3.55
i-Chiều ngang đào trên mặt đất		5.27
j-Chiều sâu lớn nhất 2.4m (đường đào mức 8)		6.52
Dung tích gầu ISO heaped m ³		0.93

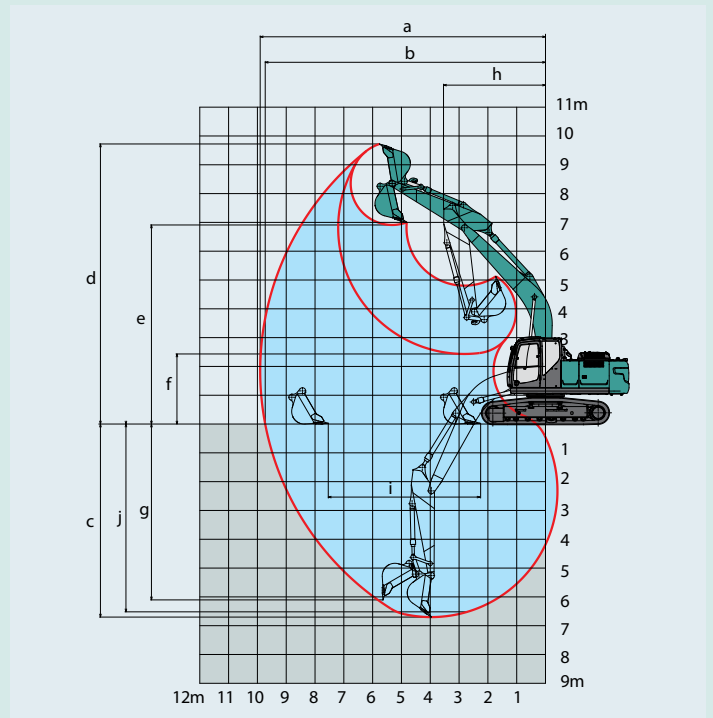
Lực đào

(ISO 6015)

Đơn vị tính: kN

Chiều dài tay cần	Tiêu chuẩn 2.94 m
Lực đào của gầu	143
	157*
Lực co tay cần	102
	112*

* Có thể tăng lực



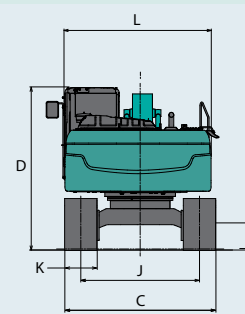
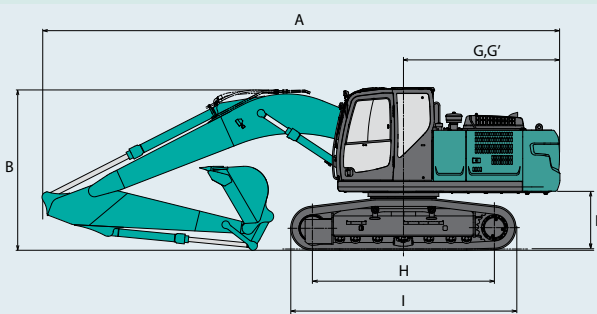
Kích thước

Chiều dài tay cần	Tiêu chuẩn 2.94 m
A Chiều dài tổng thể	9,600
B Chiều dài tổng thể (tính tới đỉnh cần)	2,980
C Chiều rộng bánh xích	2,800
	2,990
D Chiều cao tổng thể (tính tới nắp cabin)	3,010
E Khoảng sáng gầm của phía sau	1,060
F Khoảng sáng gầm xe	450
G Bán kính đuôi xe	2,910

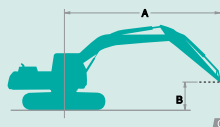
Đơn vị tính: mm

G'	Khoảng cách từ tâm quay toa tới đối trọng	2,900
H	Chiều dài tiếp đất của xích	SK200 3,370
		SK210LC 3,660
I	Chiều dài xích	SK200 4,170
		SK210LC 4,450
J	Khoảng cách hai tâm	SK200 2,200
		SK210LC 2,390
K	Độ rộng xích	600
L	Độ rộng buồng máy	2,710

• Không bao gồm chiều dày vành xích



Công suất nâng



























Nhìn từ mặt trước















Nhìn từ bên cạnh hoặc 360 độ

A: Khoảng cách từ tâm quay toa đến móc gầu
B: Chiều cao từ mặt đất đến móc gầu
C: Sức nâng trên kg
Điều chỉnh van giảm áp: 34.3 Mpa (350kgf/cm²)

SK200		Tay cần tiêu chuẩn:2.94m. Gầu: không có bánh xích: 600mm . Đối trọng: 4.300kg												
A	B	1.5 m		3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất		Bán kính
														
7.5 m	kg							*4,830	4,770			*3,880	*3,880	6.26 m
6.0 m	kg							*5,330	4,760			*3,590	3,340	7.36 m
4.5 m	kg							*5,810	4,580	4,850	3,190	*3,510	2,830	8.03 m
3.0 m	kg					*8,460	6,580	*6,580	4,320	4,720	3,080	*3,580	2,570	8.38 m
1.5 m	kg					*9,970	6,040	6,390	4,060	4,590	2,950	*3,790	2,470	8.45 m
G. L.	kg			*5,760	*5,760	9,640	5,760	6,190	3,880	4,490	2,860	3,920	2,510	8.25 m
-1.5 m	kg	*6,100	*6,100	*10,060	*10,060	9,550	5,680	6,110	3,810	4,460	2,840	4,270	2,720	7.75 m
-3.0 m	kg	*10,670	*10,670	*13,190	10,980	*9,500	5,750	6,160	3,850			5,090	3,240	6.89 m
-4.5 m	kg			*9,760	*9,760	*7,160	5,990					*5,380	4,560	5.50 m

SK210LC		Tay cần tiêu chuẩn: 2.94m. Gầu: không có. Bánh xích: 600 mm. Đối trọng: 4.300kg												
A	B	1.5 m		3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất		Bán kính
														
7.5 m	kg							*4,830	*4,830			*3,880	*3,880	6.26 m
6.0 m	kg							*5,330	5,240			*3,590	*3,590	7.36 m
4.5 m	kg							*5,810	5,060	*5,340	3,530	*3,510	3,130	8.03 m
3.0 m	kg					*8,460	7,330	*6,580	4,790	5,320	3,420	*3,580	2,860	8.38 m
1.5 m	kg					*9,970	6,790	7,250	4,530	5,180	3,290	*3,790	2,750	8.45 m
G. L.	kg			*5,760	*5,760	*10,670	6,490	7,050	4,340	5,070	3,200	*4,190	2,800	8.25 m
-1.5 m	kg	*6,100	*6,100	*10,060	*10,060	*10,510	6,410	6,960	4,270	5,050	3,170	4,830	3,040	7.75 m
-3.0 m	kg	*10,670	*10,670	*13,190	12,640	*9,500	6,480	7,010	4,310			*5,700	3,620	6.89 m
-4.5 m	kg			*9,760	*9,760	*7,160	6,730					*5,380	5,090	5.50 m

SK210LC		Tay cần tiêu chuẩn: 2.94m. Gầu: không có. Bánh xích: 800mm. Đối trọng: 4.300kg												
A	B	1.5 m		3.0 m		4.5 m		6.0 m		7.5 m		Tầm với lớn nhất		Bán kính
														
7.5 m	kg							*4,830	*4,830			*3,880	*3,880	6.26 m
6.0 m	kg							*5,330	*5,330			*3,590	*3,590	7.36 m
4.5 m	kg							*5,810	5,200	*5,340	3,640	*3,510	3,230	8.03 m
3.0 m	kg					*8,460	7,540	*6,580	4,930	5,480	3,520	*3,580	2,950	8.38 m
1.5 m	kg					*9,970	6,990	*7,330	4,670	5,340	3,400	*3,790	2,850	8.45 m
G. L.	kg			*5,760	*5,760	*10,670	6,700	7,280	4,480	5,240	3,300	*4,190	2,900	8.25 m
-1.5 m	kg	*6,100	*6,100	*10,060	*10,060	*10,510	6,620	7,190	4,410	5,210	3,280	*4,910	3,150	7.75 m
-3.0 m	kg	*10,670	*10,670	*13,190	13,020	*9,500	6,690	*7,040	4,450			*5,700	3,730	6.89 m
-4.5 m	kg			*9,760	*9,760	*7,160	6,940					*5,380	5,250	5.50 m

- Chú ý:**

 - Không cố gắng nâng hoặc giữ bất kỳ vật nặng nào lớn hơn công suất nâng ở chiều cao và bán kính nâng tiêu chuẩn. Trọng lượng của vật nặng phải nhỏ hơn công suất nâng của máy.
 - Công suất nâng của máy cần cử trên cơ sở: máy đứng ở mặt đất vững chắc. Người vận hành phải tính đến dung sai của công suất nâng cho các điều kiện làm việc khác nhau như: mặt đất mềm hay gập ghềnh, tải trọng biến, tải trọng khi dừng đột ngột, tình trạng nguy hiểm hoặc kinh nghiệm của người vận hành....
 - Chốt của đầu tay cần được dùng để nâng hàng.
- Thông số công suất nâng của máy đáp ứng theo tiêu chuẩn ISO 10567 và không vượt quá 87% công suất nâng thủy lực hay 75% tải trọng lật. Công suất nâng được đánh dấu bởi dấu hoa thị được giới hạn bởi công suất thủy lực hơn là tải trọng lật.
 - Người vận hành máy phải hiểu rõ hướng dẫn bảo trì trước khi vận hành máy này, và phải tuân thủ triệt để quy tắc vận hành thiết bị an toàn.
 - Công suất nâng này chỉ áp dụng với những máy được sản xuất chính hãng tại Kobelco Construction machinery.

THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN:

- ĐỘNG CƠ:**

 - Động cơ, HINO J05ETG-KSSG, động cơ diesel phun nhiên liệu trực tiếp, có turbo tăng áp và hệ thống làm mát.
 - Chế độ ga tự động
 - Tự động tắt máy khi không làm việc
 - Ắc quy (2x12V-96Ah)
 - Mô tơ khởi động (24V-5Kw), máy phát xoay chiều 60
 - Tự động tắt động cơ khi áp lực dầu động cơ thấp
 - Thay dầu động cơ dễ dàng
 - Lọc gió kép

ĐIỀU KHIỂN

 - Lựa chọn chế độ làm việc (H, S và ECO)
 - Hệ thống tăng lực

HỆ THỐNG DI CHUYỂN VÀ QUAY TOA

 - Chế độ ngăn ngừa dội lại khi quay toa
 - Chế độ di chuyển thẳng
 - Chế độ di chuyển 2 tốc độ
 - Phốt làm kín cho bộ phận bạc ắc xích
 - Vô mớ điều chỉnh độ căng xích
 - Phanh quay toa tự động

THỦY LỰC

 - Kết làm mát thủy lực với chất liệu aluminum
 - Hệ thống mạch tái tạo năng lượng
 - Hệ thống bảo tắc lọc hồi thủy lực
 - Hệ thống phục hồi năng lượng xylanh tay cần
 - Hệ thống sấy tự động
- GƯƠNG VÀ ĐÈN**

 - Hai gương chiếu hậu
 - 4 đèn làm việc (1 đèn cần, 1 đèn xilanh cần, 1 cho hộp chứa bên phải và 1 cho cabin)

CABIN VÀ ĐIỀU KHIỂN

 - 2 cần điều chỉnh
 - Cửa kéo phía trước
 - Còi, hộp điện tử
 - Đèn cabin (bên trong)
 - Khay để hành lý
 - Hộp để cốc rộng
 - Thảm sàn cabin 2 lớp chống đọng nước
 - Tựa đầu
 - Tay vịn
 - Khăn lau kính và hai máy phun mù rửa kính
 - Cửa sổ trời
 - Kính màu an toàn
 - Cửa kính trước thiết kế kiểu đẩy có hai phần riêng biệt
 - Màn hình đa chức năng để đọc
 - Điều hòa không khí tự động
 - Búa thoát hiểm
 - KOMEXS

THIẾT BỊ TÙY CHỌN

- Giá đỡ chống trượt xích
 - 2 đèn cabin
 - Hệ thống đường ống dùng cho búa kẹp
- Bơm nhiên liệu
 - Camera sau

Chú ý: Các thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn có nhiều loại khác nhau.Vui lòng liên hệ nhà phân phối của Kobelco để biết thêm chi tiết.

Chú ý: Trong quyển catalogue này có thể có các hình ảnh máy và thiết bị tùy chọn không có sẵn ở khu vực của bạn. Vui lòng liên hệ nhà phân phối KOBELCO gần nhất cho những danh mục hàng bán yêu cầu. Do chính sách của chúng tôi liên tục cải tiến tất cả các sản phẩm, nên tất cả các thiết kế và thông số kỹ thuật của thiết bị có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Bản quyền: **KOBELCO CONSTRUCTION MACHINERY CO.,LTD.** Không được sao chép dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép của Kobelco.

CÔNG TY MÁY XÂY DỰNG KOBELCO VIỆT NAM

Add: Số 12, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
Tel : +84 (0251) 3834 656 I Fax : +84 (0251) 3834 665
E-mail: info-kobelco@kobelco.com.vn
Website: www.kobelco.com.vn

Inquiries To: